

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 31/7/2014 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2651/TTr-STC ngày 15/9/2014

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh, với các nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định về đối tượng nộp phí, cơ quan thu phí, mức thu phí và quản lý sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng nộp phí vệ sinh là các tổ chức, cá nhân có phát sinh rác thải trong quá trình sinh hoạt.

3. Cơ quan thu phí vệ sinh là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ thu gom rác.

4. Mức thu phí vệ sinh

a) Đối với hộ gia đình: 15.000 đồng/hộ/tháng.

b) Đối với hộ kinh doanh buôn bán nhỏ:

- Mức thu 70.000 đồng/tháng đối với các hộ kinh doanh sau: nhà nghỉ; nhà trọ; quán ăn; nhà hàng karaoke; massage (chưa thành lập doanh nghiệp); garage; hàng trái cây, rau củ quả (đồ lagim); đại lý rau củ quả, trái cây; nhôm kiềng; thạch cao; vật liệu xây dựng; các điểm thu mua phế liệu; sân bóng đá mini; quán bida; xưởng mộc.

- Mức thu 50.000 đồng/tháng đối với hộ kinh doanh sau: Tạp hóa; đồ trang trí (vàng bạc đá quý); kim khí điện máy; cửa hàng kinh doanh sắt thép; đại lý mua bán nông sản; cơ sở khám chữa bệnh ngoài giờ; quán café; quảng cáo cắt decal; rửa xe; vá vỏ ô tô; đại lý bán vé số.

- Mức thu 30.000 đồng/tháng đối với các hộ kinh doanh còn lại.

c) Đối với trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp: 100.000 đồng/đơn vị/tháng.

d) Đối với cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh ăn uống: 150.000 đồng/đơn vị/tháng.

đ) Đối với nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, bến xe: 150.000 đồng/m³.

e) Đối với các công trình xây dựng: 0,03% giá trị xây lắp công trình.

5. Quản lý và sử dụng phí: Đơn vị thu phí được trích lại 90% số phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí. Số còn lại 10% nộp ngân sách nhà nước. Hàng năm phải quyết toán thu, chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền phí chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

Điều 2. Quyết định này thay thế quy định về mức thu phí vệ sinh tại điểm 10, mục I tại Danh mục và mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh về việc thông qua mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- LĐVP, CV KTTH, KTN;
- Lưu: VT(M.Anh22-9).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trùm